

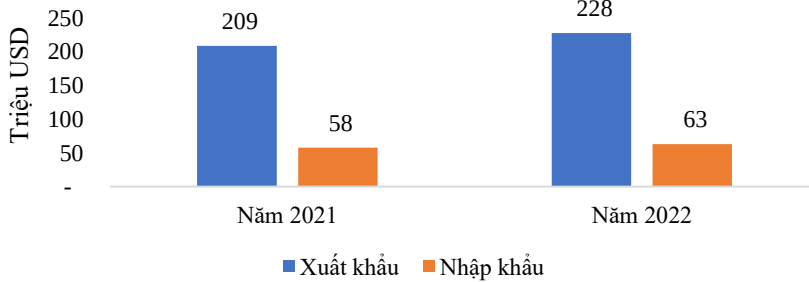
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

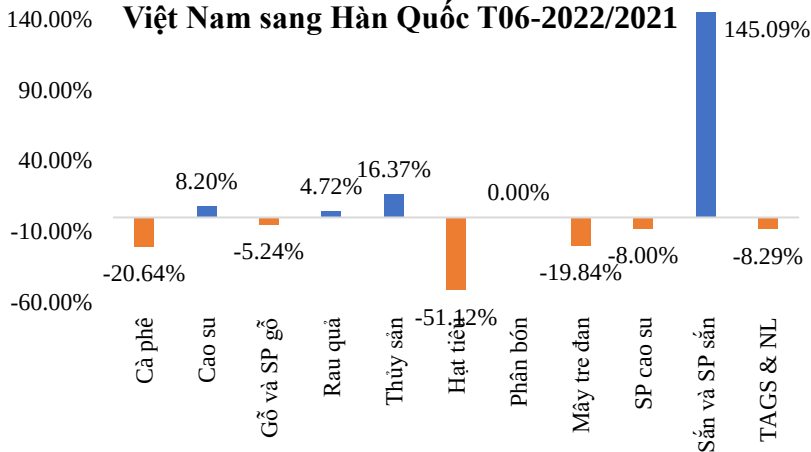
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T06-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T06-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 9,09 %
Nhập khẩu	▲ 9,15 %

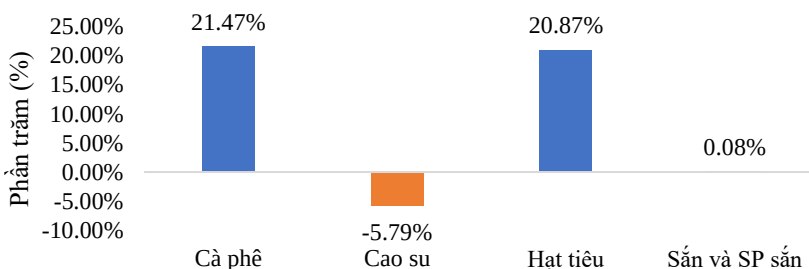
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T06-2022/2021**



So sánh T06-2022/2021

Cà phê	▼ 20,64%
Cao su	▲ 8,20%
Gỗ và SP gỗ	▼ 5,24%
Hàng rau quả	▲ 4,72%
Hàng thủy sản	▲ 16,37%
Hạt tiêu	▼ 51,12%
Phân bón	▲ 0,00%
Máy tre đan	▼ 19,84%
SP từ cao su	▼ 8,00%
Sản và SP sản	▲ 145,09%
TAGS & NL	▼ 8,29%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T06-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T06-2022/2021**

Cà phê	▲ 21,47%
Cao su	▼ 5,79%
Hạt tiêu	▲ 20,87%
Sản và SP sản	▲ 0,08%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK), tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong quý 2/2022 cao hơn so với quý đầu năm nhờ chi tiêu tư nhân gia tăng khi các biện pháp hạn chế liên quan tới dịch COVID-19 được nới lỏng. Tuy nhiên, giá trị hàng hóa xuất khẩu ghi nhận chiều hướng giảm do tác động tiêu cực của sự bất ổn kinh tế từ bên ngoài. Theo số liệu của BoK công bố ngày 26/7, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Hàn Quốc tăng từ mức 0,6% của quý 1/2022 lên 0,7% trong quý 2/2022. Như vậy, Hàn Quốc ghi nhận chuỗi tăng trưởng 8 quý liên tiếp kể từ quý 3/2020.

Tăng trưởng trong quý 2/2022 tăng lên nhờ chi tiêu của chính phủ tăng và tiêu dùng cá nhân cải thiện, mặc dù xuất khẩu suy giảm. So với cùng kỳ năm 2021, nền kinh tế lớn thứ tư châu Á tăng trưởng 2,9% trong quý 2 vừa qua. Chi tiêu tiêu dùng cá nhân trong quý 2/2022 tăng 3% so với quý trước đó, do hoạt động mua sắm đối với hàng hóa không lâu bền, dịch vụ cá nhân như chi phí ăn ở, đi nhà hàng.

Theo Bộ Kinh tế và Tài chính Hàn Quốc, bắt đầu từ tháng 7, Chính phủ sẽ dỡ bỏ thuế quan đối với 100 nghìn tấn thịt bò nhập khẩu, hơn 82 nghìn tấn thịt gà, cũng như đối với thịt lợn nhập khẩu, sữa bột, hạt cà phê, hành lá và nguyên liệu ethanol.

Chính phủ Hàn Quốc bắt đầu triển khai kế hoạch thuế quan bằng 0 khẩn cấp trong năm nay do giá tiêu dùng tăng cao. Tổng cộng có 26 mặt hàng công nghiệp và thực phẩm chính, bao gồm dầu ăn, thịt lợn và khí đốt tự nhiên hóa lỏng, được miễn thuế nhập khẩu theo kế hoạch này. Quyết định mới nhất được đưa ra sau khi giá tiêu dùng trong nước trong tháng 6 tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái - mức tăng nhanh nhất trong gần 24 năm, chủ yếu do chi phí nhiên liệu tăng cao.

Chính phủ cũng đã đưa ra một loạt các biện pháp để đảm bảo nguồn cung nông sản, thủy sản và bình ổn giá cả. Chính phủ cũng cam kết sẽ hỗ trợ các trang trại chăn nuôi trong nước chi phí giết mổ và các chi phí khác để giúp giảm chi phí sản xuất. Ngoài ra, chính phủ sẽ xuất kho dự trữ các sản phẩm chính, bao gồm khoai tây, tỏi, hành tây... Đáng chú ý, 480 tỷ won sẽ được dành để hỗ trợ tài chính cho các hộ gia đình có thu nhập thấp.

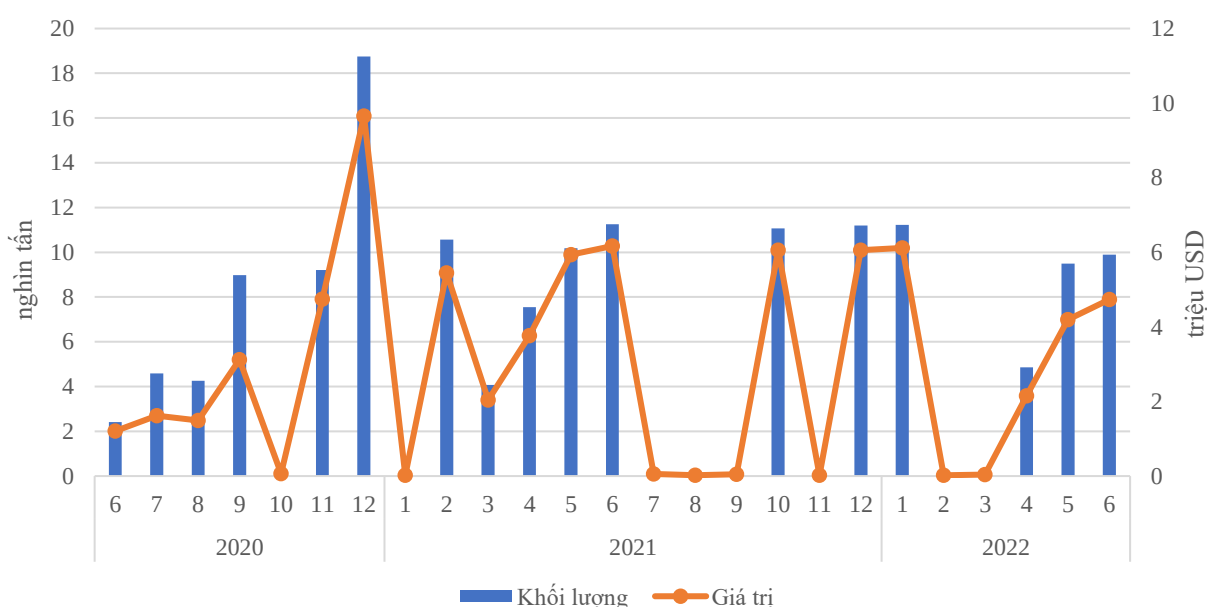
Tháng 06/2022, Việt Nam xuất khẩu 227,7 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 9,09% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 36,5%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 34,9%, rau quả chiếm 7,7%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cao su, rau quả, thủy sản, sản và sản phẩm sản là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch giảm so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

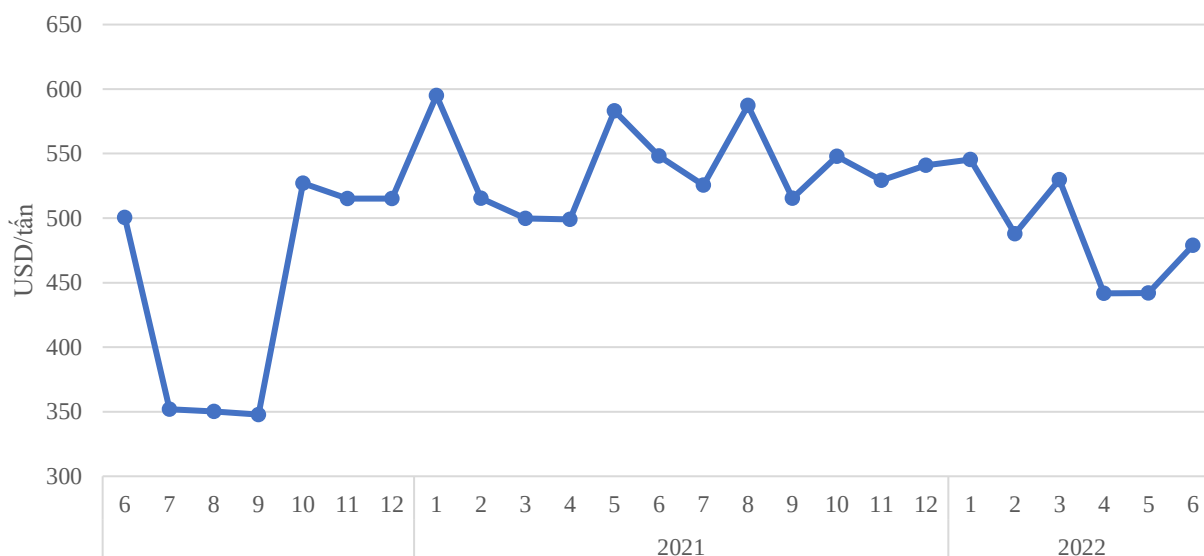
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 9,9 nghìn tấn gạo, trị giá 4,7 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng 4,2% về khối lượng và 12,9% về giá trị so với tháng trước; nhưng giảm 12,2% về khối lượng và 23,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 35,6 nghìn tấn, trị giá 17,3 triệu USD, giảm 18,5% về khối lượng và 26,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

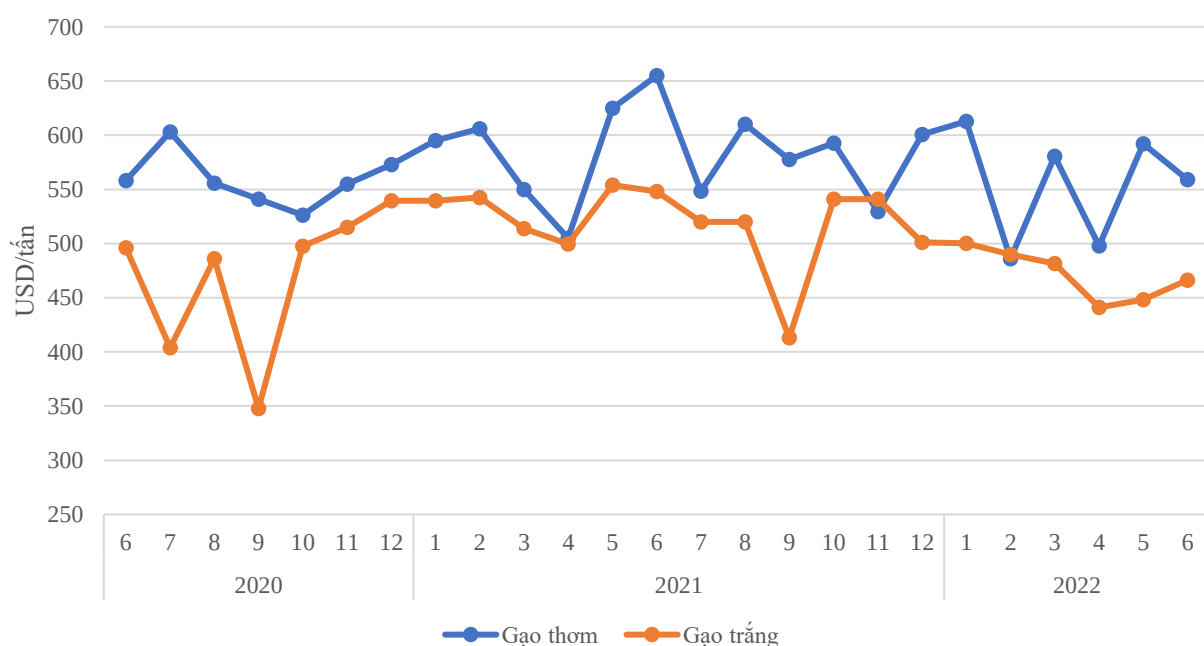
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022 đạt 478,9 USD/tấn, tăng 8,4% so với tháng trước, nhưng giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,4% về khối lượng và 99,2% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 466,2 USD/tấn, tăng 4,0% so với tháng trước nhưng giảm 14,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 559,0 USD/tấn, giảm 5,6% so với tháng trước và 14,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

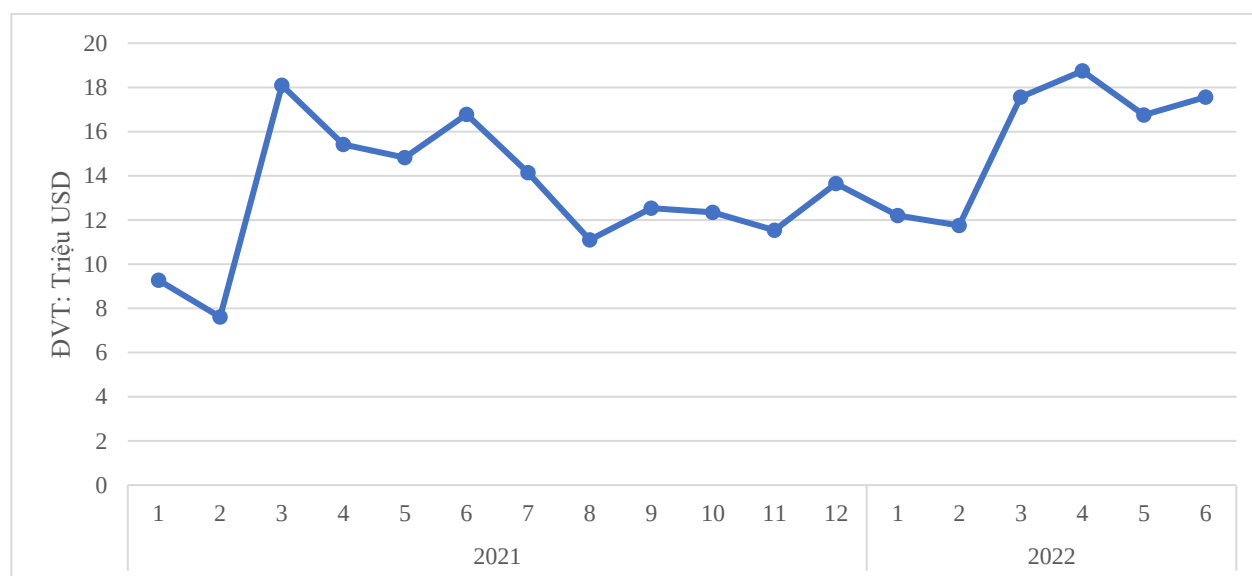
Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 6 năm 2022 đạt 17,6 triệu USD, chiếm 6,8% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 4,9% so với tháng trước và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 94,5 triệu USD (chiếm 5,6% thị phần), tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2021.

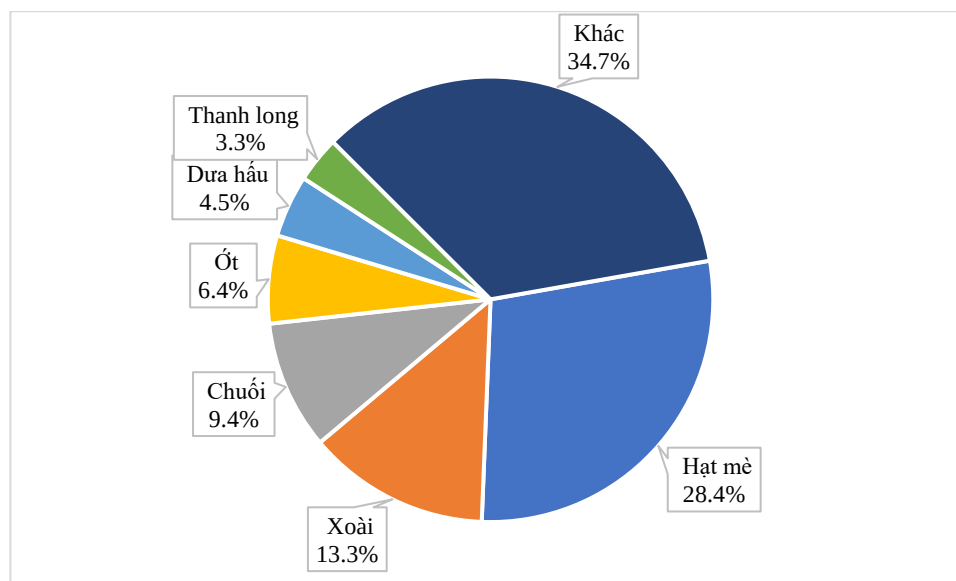
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 6 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 7,7 triệu USD (chiếm 43,8% thị phần, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 9,8 triệu USD (chiếm 56,1% thị phần), tăng 33,7%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 6,8 triệu USD, tăng 130,5% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,9 triệu USD (tăng 148,9%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 657,7 nghìn USD (tăng 105,4%); v.v.

Trong tháng 6 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt gần 5,0 triệu USD (chiếm 28,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 13,836,6% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,3 triệu USD (chiếm 13,3%), tăng 4,4%; chuối đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,4%), tăng 138,1%; ớt đạt 1,1 triệu USD (chiếm 6,4%), giảm 38,8%; dưa hấu đạt 792,7 nghìn USD (chiếm 4,5%), tăng 49,4%; v.v.

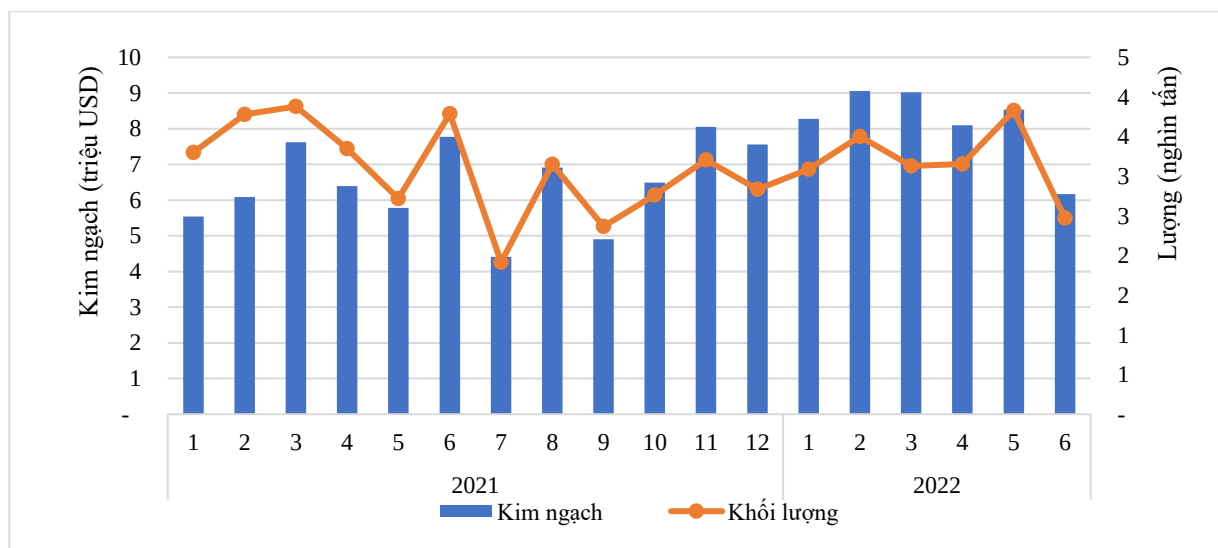
Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 6 năm 2022 đạt 2,2 triệu USD, chiếm 1,4% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 28,4 triệu USD, chiếm 3,2% thị phần, tăng 51,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 6/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 1,3 triệu USD (chiếm 58,5%), tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2021; nấm các loại đạt 198,7 nghìn USD (chiếm 8,9%), tăng 14,5%; v.v.

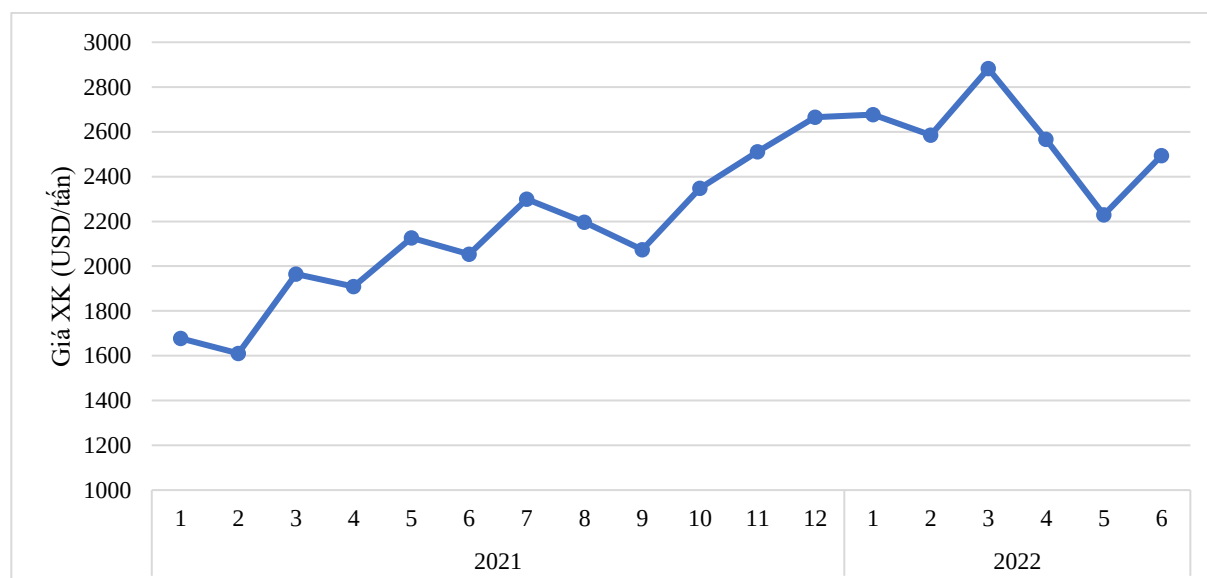
3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 06/2022 ước đạt 2,5 nghìn tấn với trị giá 6,2 triệu USD, giảm 35,4% về lượng và 27,7% về giá trị so với tháng trước, và giảm 34,7% về lượng và 20,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

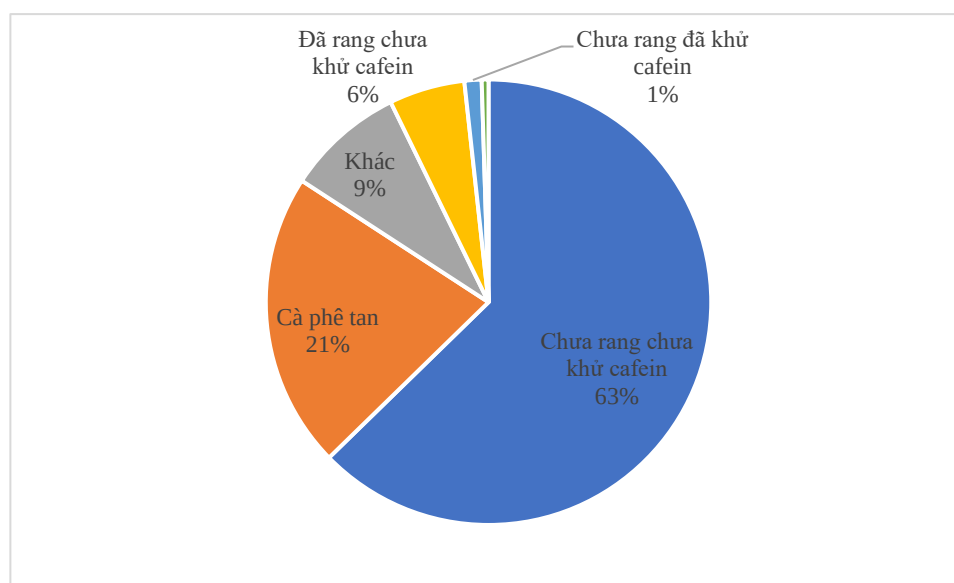
Tháng 06/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.494 USD/tấn, tăng 11,9% so với tháng trước và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,9 triệu USD, chiếm 62,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,3 triệu USD, chiếm 21,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 5,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 6/2022

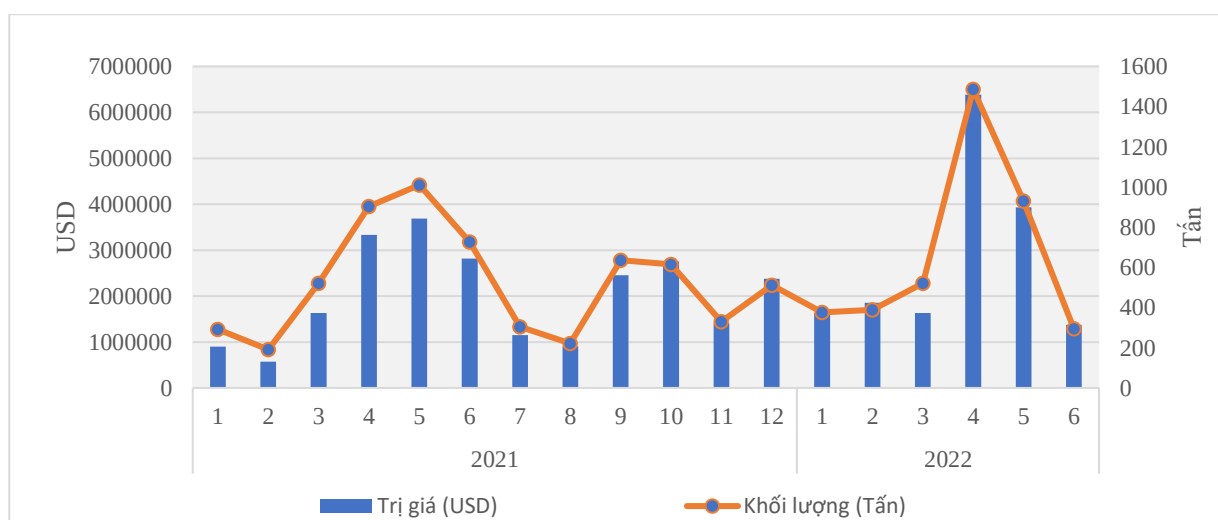


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 6/2022 tiếp tục giảm mạnh so với tháng trước, sau đợt xuất bùng nổ sau giãn cách bởi dịch Covid-19. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 294 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,3 triệu USD, giảm 68,42% về khối lượng và 6,19% về giá trị so với tháng trước; giảm 16,7% về khối lượng nhưng tăng 25,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

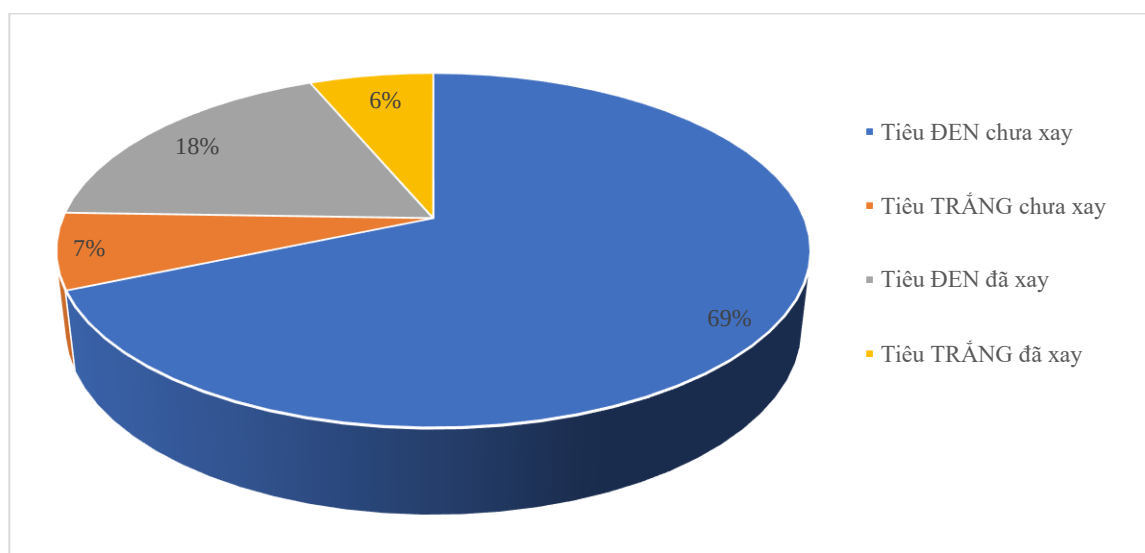
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 6/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 69% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 54,6% so với tháng trước và 71,82% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 7%, giảm 60,52% so với tháng trước và 75,55% so với cùng kỳ năm 2021.

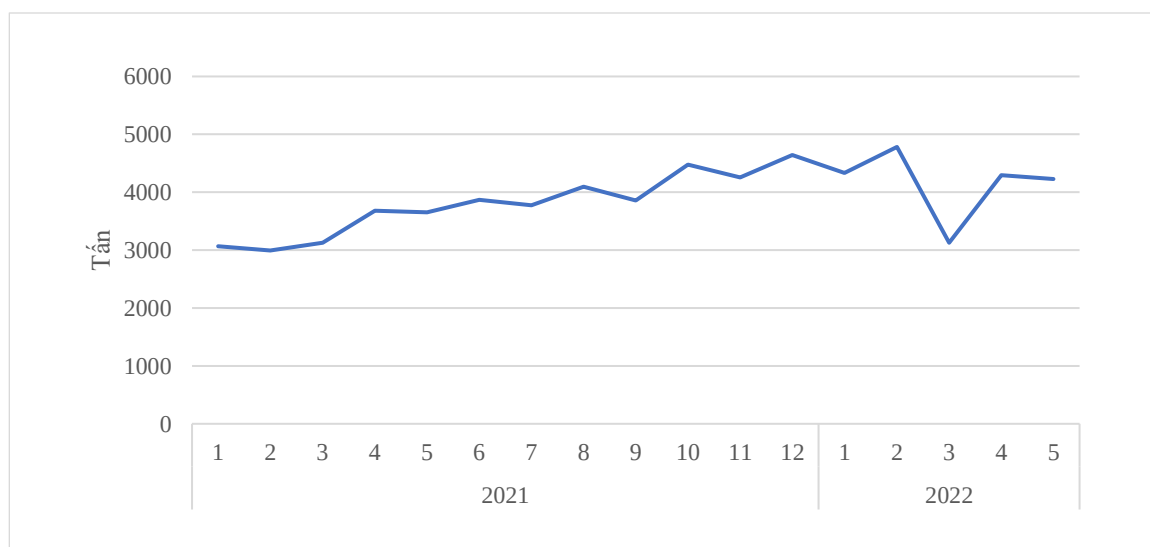
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 6/2022 đã tăng trở lại, đạt mức 4.678 USD/tấn, tăng 10,7% so với tháng trước và 20,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

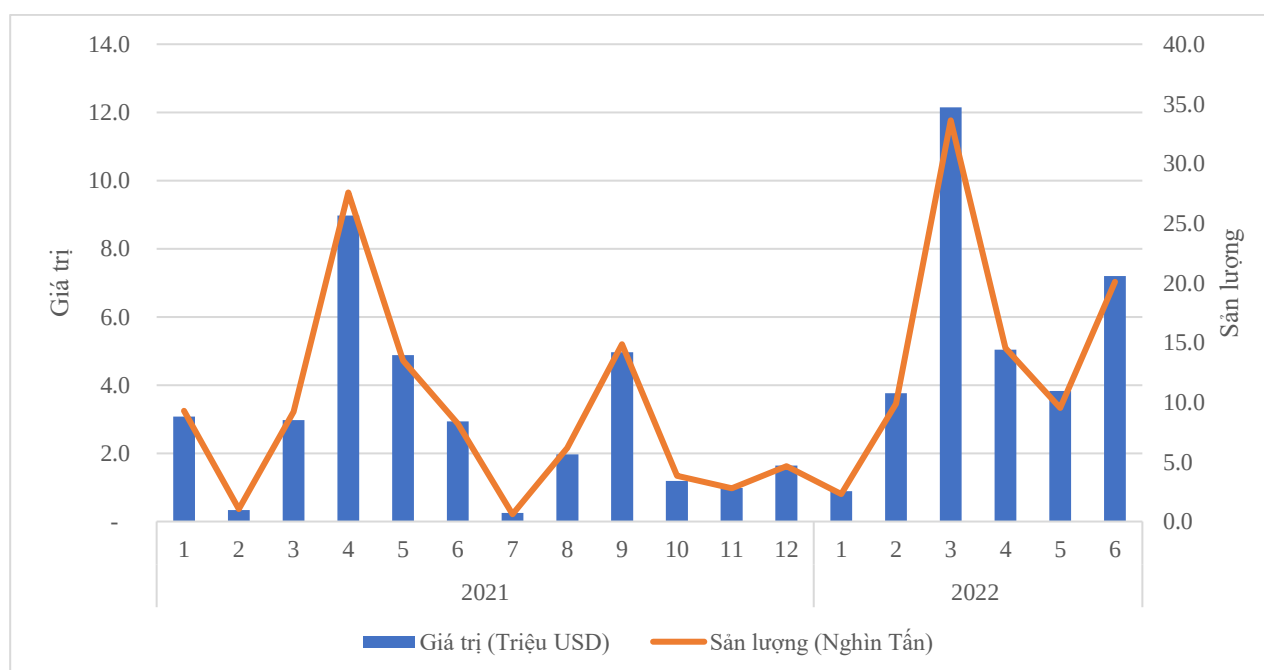


Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

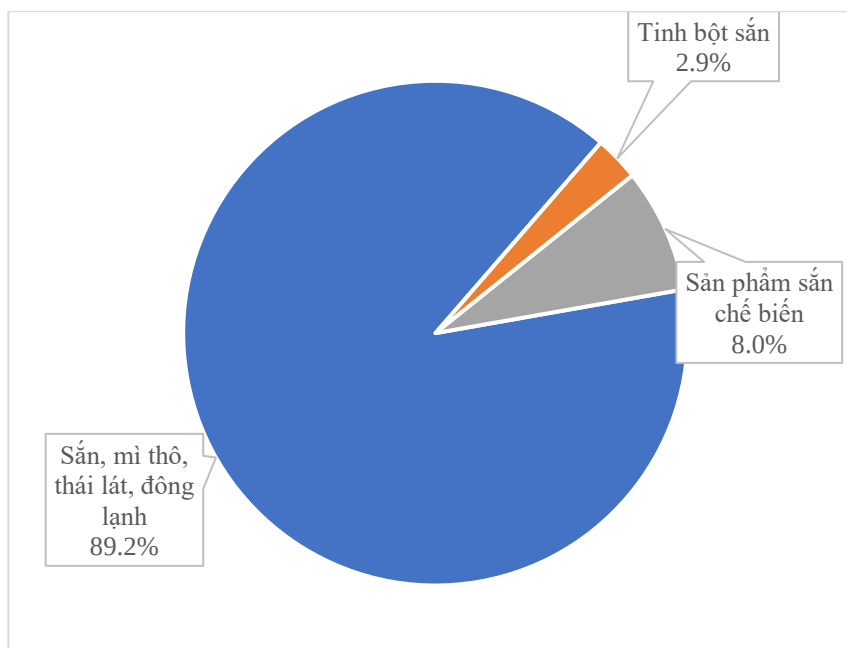
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 20.093 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 7,2 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 111% về khối lượng và tăng 88,2% về giá trị so với tháng 5/2022; tăng 144,9% về khối lượng và tăng 145,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 92.088 tấn, trị giá đạt xấp xỉ 32,5 triệu USD, tăng 39,8% về khối lượng và tăng 47,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 7,1% về khối lượng và 5,8% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 6 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 6,4 triệu USD (chiếm 89,2% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), tăng 126,6% với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sản đạt 207,5 nghìn USD (chiếm 2,9%) tăng 114,6% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm sản chế biến đạt 574,0 nghìn USD (chiếm 8,0%) tăng 70 lần so với cùng kỳ năm 2021.

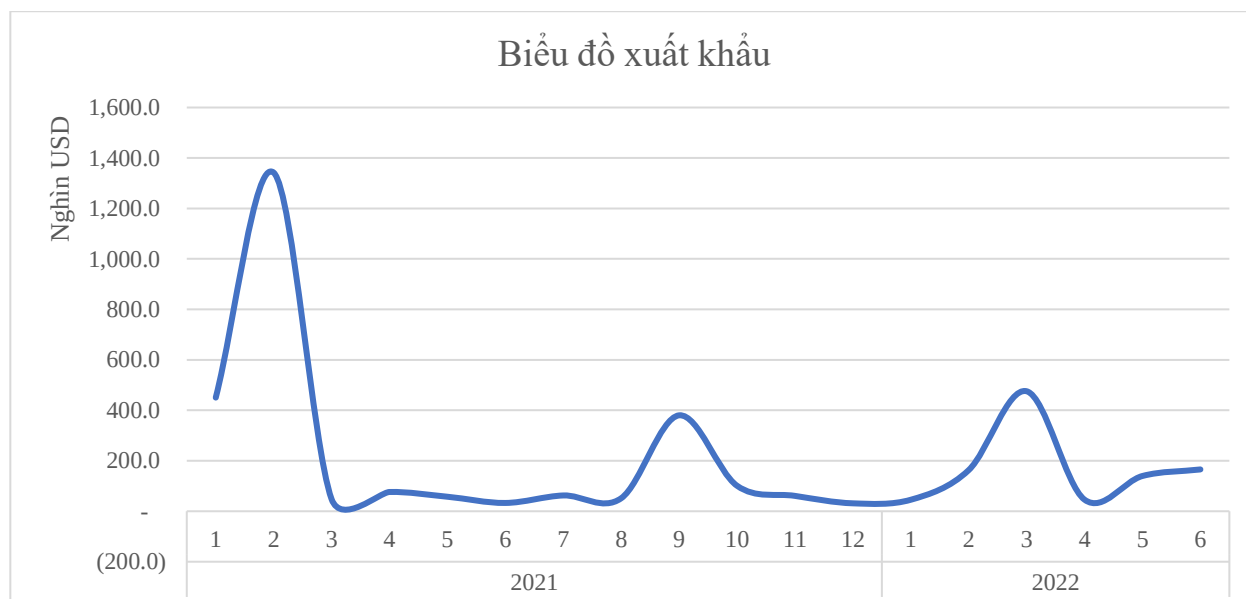
Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Cục Thông tin Thương mại Nông nghiệp Hàn Quốc (KATI) cho biết quốc gia châu Á này đã nhập khẩu khoảng 948,3 triệu USD giá trị thịt heo trong 5 tháng đầu năm. Con số này tăng mạnh so với mức 692,1 triệu USD của năm ngoái và là giá trị nhập khẩu cao nhất mọi thời đại. Đối với thịt heo móm hàm, Hàn Quốc duy trì là quốc gia có mức giá cao nhất, với giá đạt gần 99.700 đồng/kg

Trong tháng 6/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 165,7 nghìn USD, tăng 404,5% so với tháng 6/2021 và 18,6% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 6/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 5,2 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 16,2% so với tháng trước, và tăng 119,7% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến chiếm gần 100% đạt 5,2 triệu USD tăng 119,6% so với tháng 6/2021 và giảm 15% so với tháng trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

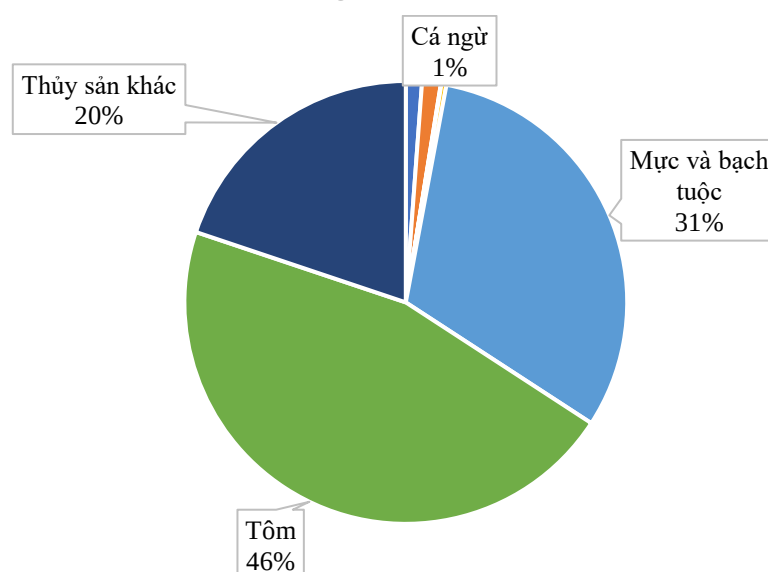
7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 6/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt hơn 83 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 6 tháng đầu năm đạt 452,2 triệu USD, chiếm 7,8% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 24,1% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 45,9%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 31,2%.

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc

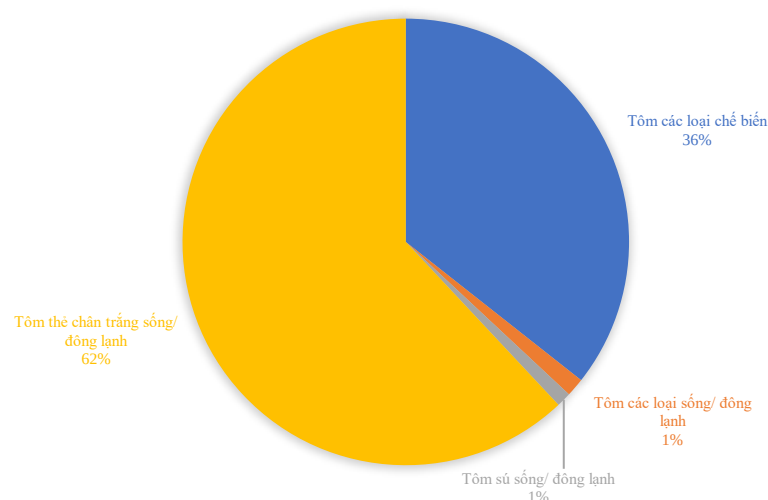
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,9% so với tháng 5/2022. Trong đó, trong đó cua ghẹ tăng 77,1% và tôm tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

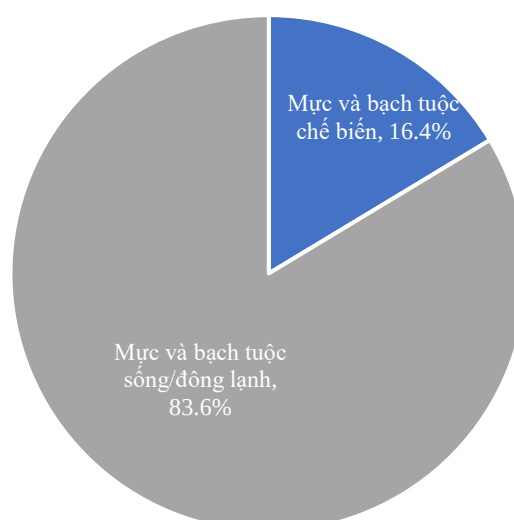
Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 6/2022 đạt 38,1 triệu USD, chiếm 45,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 62%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 35,6% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 23,6 triệu USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 13,6 triệu USD, tăng 16,1%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu USD, giảm 30,3%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, giảm 28,8%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 6 năm 2022 đạt 25,9 triệu USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 21,7 triệu USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 4,2 triệu USD, tăng 28,5%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 6/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 6/2022: Cua – ghẹ đạt 0,3 triệu USD, tăng 77,1%; cá da trơn đạt 1 triệu USD, tăng 325,4% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 1,1 triệu USD tăng 263,4%; thủy sản khác đạt 16,5 triệu USD, tăng 38,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 6/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 9,1 USD/kg, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 11,8USD/kg, tăng 18,7%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022

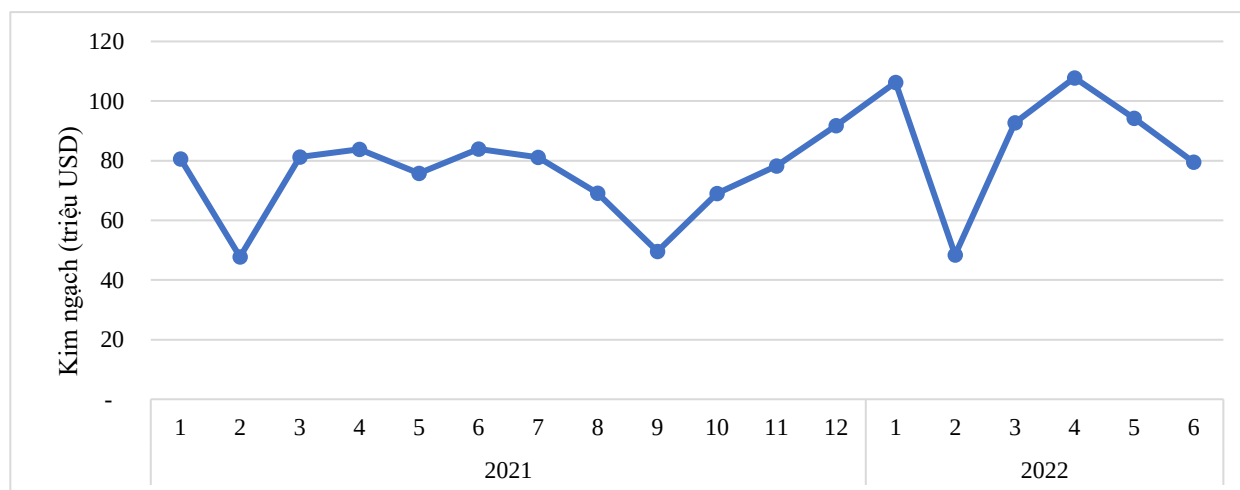
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,6	43,5%	-2,2%
2	Cá rô phi	2,8	4,8%	2,8%
3	Cua, ghẹ	5,9	-0,7%	14,1%
4	Mực và bạch tuộc	11,8	18,7%	-1,6%
5	Tôm	9,1	10,4%	-2,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 79,6 triệu USD, giảm 15,6% so với tháng trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2021.

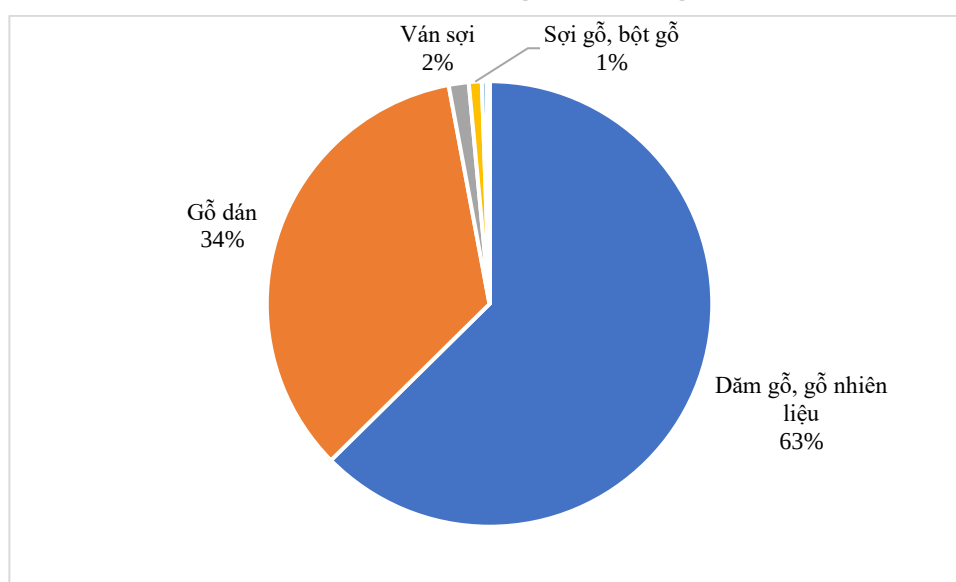
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 06/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 37,3 triệu USD, chiếm 62,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 20,5 triệu USD, chiếm 34,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 1,5% và 0,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

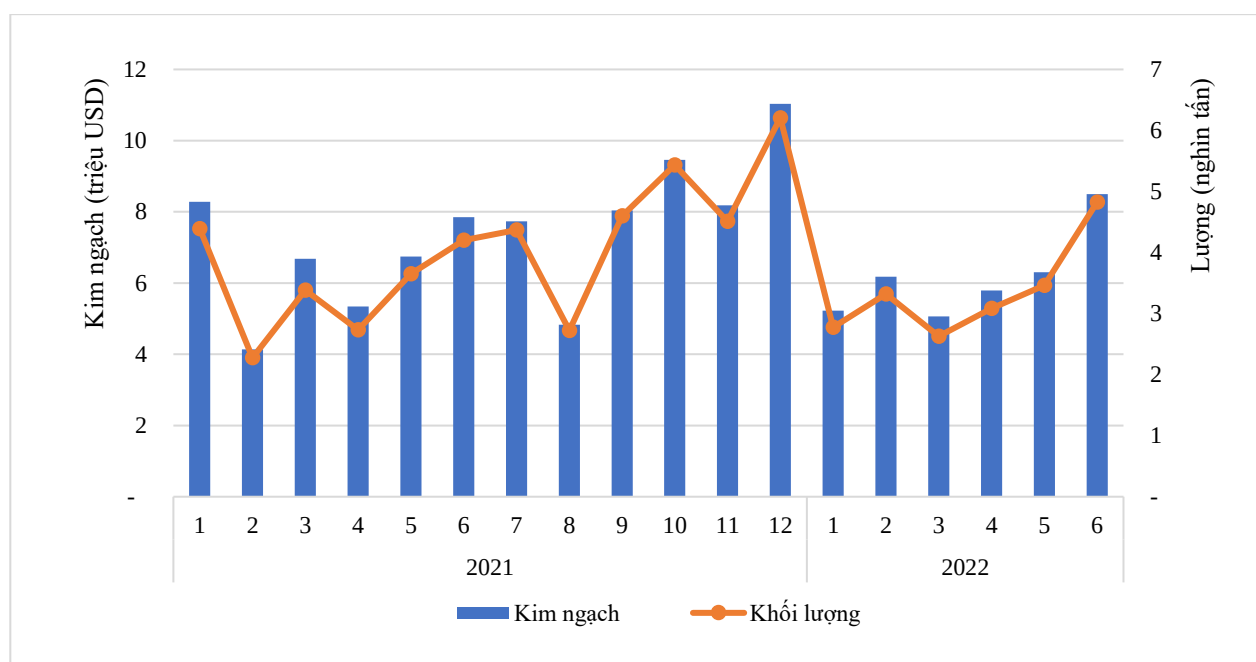
Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

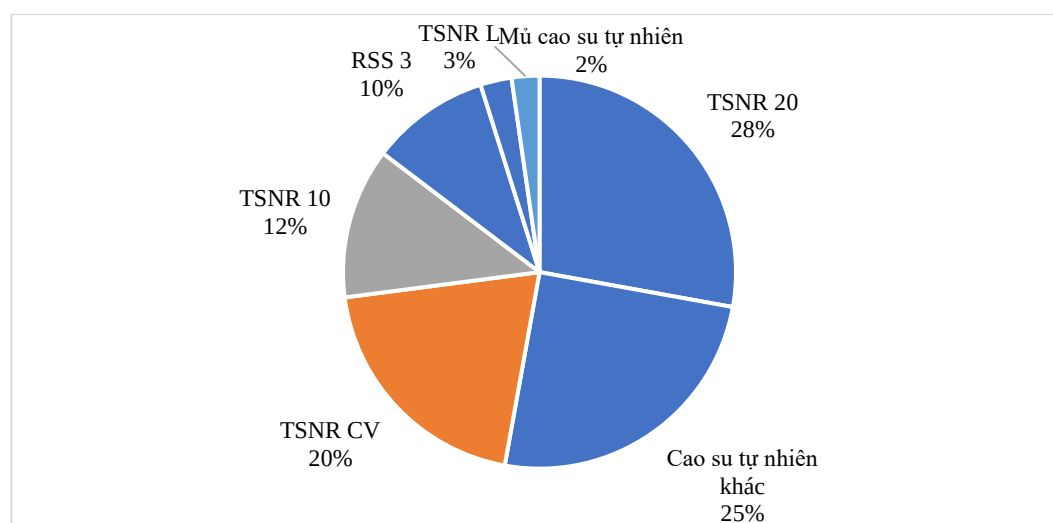
9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 4,8 nghìn tấn với trị giá 8,5 triệu USD, tăng 39,4% về khối lượng và 34,7% về giá trị so với tháng trước, tăng 14,9% về khối lượng và 8,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

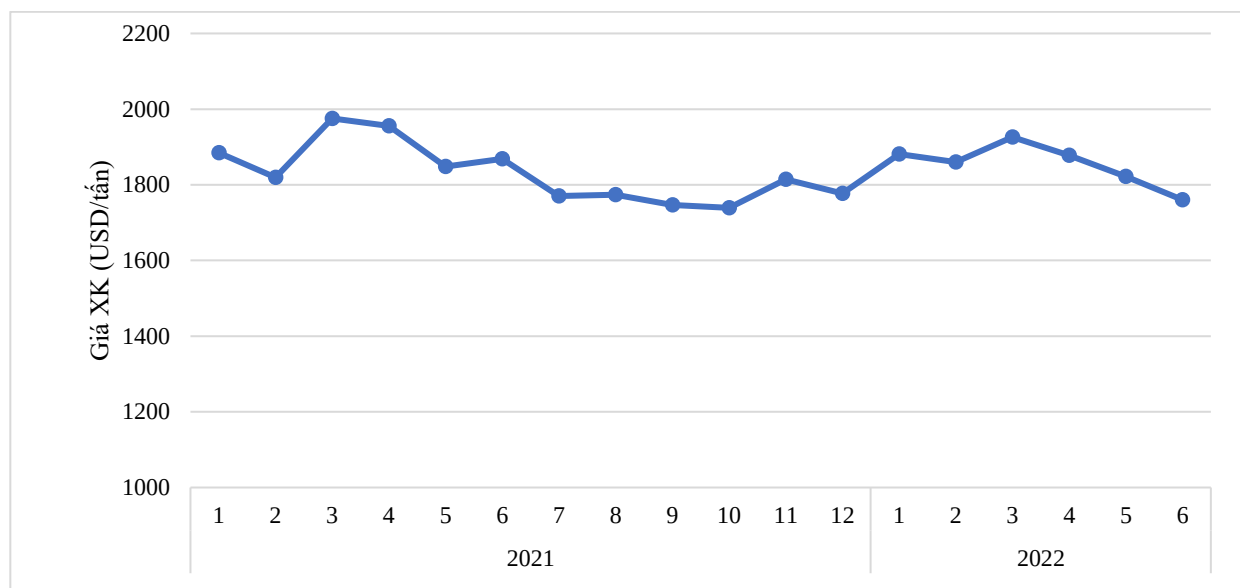
Trong tháng 06/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 2,3 triệu USD, chiếm 27,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,7 triệu USD, chiếm 20,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và RSS có giá trị xuất khẩu lần lượt là 1,04 triệu USD và 824,6 nghìn USD, chiếm 12,4% và 9,8 % tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR L và mủ cao su tự nhiên chiếm lần lượt 2,6% và 2,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 6/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.760 USD/tấn trong tháng 06/2022, giảm 3,4% so với tháng trước, và giảm 5,8 % so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Hàn Quốc thường dựa vào kết quả sản xuất lúa gạo công bố bởi Cục Thống kê Quốc gia để ước tính tình hình cung cầu gạo nội địa. Theo đó, nếu sản lượng vượt nhu cầu 3% hoặc giá gạo giảm 5% so với năm trước đó, chính phủ sẽ lên kế hoạch không chế lượng cung ứng gạo trên thị trường nhằm đảm bảo mức giá tốt nhất cho người nông dân trồng lúa. Do nguồn cung từ sản xuất năm nay tăng, nên từ đầu năm 2022 đến nay, chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện việc không chế này hai lần vào tháng 2/2022 và tháng 5/2022 với tổng lượng không chế là 270 nghìn tấn. Vào đầu tháng 7/2022, chính phủ nước này quyết định sẽ không chế thêm 100 nghìn tấn do sản lượng lúa gạo nước này năm nay dự kiến sẽ tăng, dẫn đến giá sẽ giảm và gây ảnh hưởng đến người nông dân. Tình trạng dư cung như trên dự báo hoạt động nhập khẩu gạo của Hàn Quốc năm nay sẽ giảm.

2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong giai đoạn năm 2017-2021, Hàn Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường trên thế giới đạt bình quân 1,2 tỷ USD/năm, tuy nhiên trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 17,5% tổng trị giá nhập khẩu, như vậy vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam khai thác trong thời gian tới.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Hàn Quốc, mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng rất cao trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 16,55 triệu USD, tăng 130,9% so với cùng kỳ năm 2021.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 06/2022

STT	Sản phẩm	T06/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T06/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	6.169.536	-20,64%	2,71%
2	Cao su	8.495.233	8,20%	3,73%
3	Gỗ và SP gỗ	79.553.040	-5,24%	34,94%
4	Hàng rau quả	17.564.477	4,72%	7,71%
5	Hàng thủy sản	83.003.230	16,37%	36,46%
6	Hạt tiêu	1.375.262	-51,12%	0,60%
7	Phân bón các loại	10.552.893		4,64%
8	Mây tre đan	1.910.728	-19,84%	0,84%
9	SP từ cao su	9.138.423	-8,00%	4,01%
10	Sắn và SP từ sắn	7.204.537	145,09%	3,16%
11	TAGS & NL	2.700.503	-8,29%	1,19%
Tổng XK NLTS		227.667.862		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 06/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 06/2021		Tháng 06/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	11.236	6.157.328	9.826	4.700.258	-12,5%	-23,7%
2.	Gạo thơm	12	7.480	47	24.754	304,3%	230,9%
3.	Các loại gạo khác	11	7.560	17	11.472	52,1%	51,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 6/2022

Mặt hàng	T6/2021 (USD)	T6/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	5.911.798	3.864.551	-34,63%
Cà phê tan	900.026	1.323.903	47,10%
Khác	261.346	528.565	102,25%
Đã rang chưa khử cafein	421.968	339.224	-19,61%
Chưa rang đã khử cafein		76.729	
Đã rang đã khử cafein		30.291	
Tổng	7.495.138	6.163.263	-17,77%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 6/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 6/2021 (USD)	Tháng 6/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
	Tổng giá trị XK	16.772.335	17.564.477	4,7%
1	Hạt mè	3.651.599	4.989.633	36,6%
2	Xoài	2.228.859	2.327.642	4,4%
3	Chuối	691.144	1.645.373	138,1%
4	Ớt	1.831.391	1.121.327	-38,8%
5	Dưa hấu	530.524	792.682	49,4%
6	Thanh long	536.724	587.170	9,4%
7	Khác	7.302.095	6.100.649	-16,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 6/2022

TT	Sản phẩm	T6/2021 (USD)	T6/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	2.834.705	6.423.061	126,6%
2	Tinh bột sắn	96.670	207.463	114,6%
3	Sản phẩm sắn chế biến	8.160	574.013	6934,5%
	Tổng giá trị XK	2.939.535	7.204.537	145,1 %

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 6/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 6/2022 (USD)	Tháng 6/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	974.985,7	299.649,6	225,4%
Cá ngừ	1.128.380,3	310.540,0	263,4%
Cá rô phi	35.765,8	211.795,9	-83,1%
Cua, ghẹ	304.861,6	172.123,9	77,1%
Mực và bạch tuộc	25.912.214,9	21.344.566,0	21,4%
Tôm	38.130.972,8	35.550.431,9	7,3%
Thủy sản khác	16.516.048,9	11.862.731,2	39,2%
Tổng	83.003.230,0	69.751.838,5	19,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan